TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1184**/2017/HC-PT
Ngày: 22/12/2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Bà Lê Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 27 tháng 11 năm 2017, ngày 18 tháng 12 năm 2017 và ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 47/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc:*"Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2506/2017/QĐ-PT ngày 01/11/2017, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1973

Địa chỉ: 336 đường 5, khu phố 5, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Kim D, sinh năm1963. Trú tại: 25/6, đường Nguyễn Duy T, phường B2, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 001057.2016/UQ, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 28/03/2016 tại Văn phòng Công chứng Thủ Thiêm, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt)

Người bị kiện:

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận X

Địa chỉ: phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân Quận X

Địa chỉ: phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận X: Ông Nguyễn Phước H- Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận X (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X:

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1980, Phó Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
- Ông Hồ Ngọc Lâm S, sinh năm 1973, Trưởng phòng nghiệp vụ 2 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X (có mặt)
- Ông Trần Quốc S, sinh năm 1980, Phó trưởng phòng tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường B Quận X

Địa chỉ: 543/8, Nguyễn Duy T, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huỳnh S, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền số 78/UBND ngày 02/3/2016) (có mặt)

2. Sư đoàn Y - Quân chủng phòng không không quân

Địa chỉ: Phường 12, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc C, sinh năm 1968 – Chủ nhiệm công binh Trung đoàn K – Sư đoàn Y. Trú tại: 01, Đại lộ 3, phường Phước B, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 289/GUQ-SĐ ngày 26/02/2016) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2016, đơn khởi kiện bổ sung 07/03/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/4/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/6/2017, bản tự khai, các biên bản đối thoại và tại phiên tòa người khởi kiện bà Phạm Thị Thanh N có bà Nguyễn Kim D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà N là chủ sử dụng căn nhà đất không số, đường số 5, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí được bao bọc bởi bên hông là đất của bà Phạm Thị Thanh T (chị gái bà N), phía trước là đất của ông Phạm Văn S (cha bà N) và phía sau giáp của hộ khác. Toàn bộ nhà, đất của bà N thuộc thửa 148, 149, tờ bản đồ số 34 (tài liệu bản đồ địa chính năm 2004); một phần thửa 693, 718, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT) bị giải tỏa thuộc dự án chuyển mục đích sử dụng

đất Quốc phòng tại phường Cvà phường B. Khi tiến hành kiểm kê hoa màu và đo vẽ nhà đất của bà N vào ngày 20/9/2007 thì bà N không có ở nhà và có nhờ ông Võ Phước L(anh rể của bà N) ký thay vào biên bản kiểm kê nhà đất và hoa màu, bản vẽ do Trung tâm đo đạc bản đồ lập. Bản vẽ ngày 05/11/2011, bà N có trực tiếp ký vào phần chủ sử dụng để xác nhận lại bản vẽ. Bà N đồng ý với nội dung bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 20/9/2007 và ngày 05/11/2011 do Trung tâm đo đạc bản đồ lập vì đúng diện tích và hiện trạng bà N thực tế đang sử dụng.

Ngày 20/6/2014, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2719/QĐ – UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà N và bà N nhận được quyết định này vào ngày 20/8/2014.

Không đồng ý với nội dung Quyết định bồi thường, hỗ trợ và thiệt hại tái định cứ nói trên, ngày 10/11/2014, bà N nộp đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân Quận X với lý do Ủy ban nhân dân Quận X không tính theo đơn giá đất bồi thường đất mặt tiền đường và phần đất nông nghiệp không được tính 40% đất xen cài. Hồ sơ khiếu nại của bà N đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X thụ lý, giải quyết. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có mời bà N lên làm việc và đối thoại trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

Ngày 15/7/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành quyết định số 3163/QĐ –UBND- TTr về việc giải quyết khiếu nại (Tuy nhiên đến ngày 29/02/2016 bà N mới nhận được Quyết định này).

Ngày 16/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 4693/QĐ – UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Bà N nhận quyết định này vào ngày 20/11/2015.

Ngày 25/01/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 245/QĐ – UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 của Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X. Bà N nhận được quyết định này vào ngày 25/02/2016.

Ngày 24/02/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 395/QĐ – UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X. Bà N nhận được Quyết định này vào ngày 09/3/2017.

Bà N yêu cầu Tòa án hủy các quyết định: Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016; Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTR ngày 15/7/2015 và Quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X vì các lý do như sau:

Thứ nhất: Toàn bộ nhà đất của bà N không nằm trong ranh dự án chuyển mục đích sử dụng đất Quốc phòng vì căn cứ vào giấy xác nhận hồ sơ pháp lý số

395/UBND – XN ngày 06/11/2012 của Ủy ban nhân dân phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có ghi "Vị trí đất giải tỏa, diện tích 300m^2 nằm ngoài ranh 05 hecta theo Giấy phép sử dụng đất số 63/GPCĐ78NN ngày 09/8/1978 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh";

Thứ hai: Tại buổi làm việc của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc với lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh vào sáng ngày 23/6/2017, Thượng tướng Lê Chiêm – Thứ trưởng Bộ Quốc phòng khẳng định chủ trương của Bộ Quốc phòng là quân đội sẽ không làm kinh tế mà chỉ tập trung xây dựng Quân đội vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ bảo vệ Đảng, nhân dân. Vì vậy yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X trả lại phần đất của bà N để bà N sinh sống;

Thứ ba: Ngày 15/7/1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt có ký Quyết định số 535 về phê duyệt quy hoạch đất Quốc phòng tại phường B và phường Cát Lái. Nay nếu chuyển mục đất Quốc phòng sang đất xây dựng nhà ở bán ra thị trường thì phải do Chính phủ đương nhiệm ký phê duyệt mới đúng thẩm quyền và phù hợp luật pháp. Tại khoản 4, khoản 5 Điều 1 Quyết định 535 ngày 15/7/1997 có quy định hàng năm Bộ quốc phòng phải lập kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy Ủy ban Quận X đã thực hiện sai quy trình đền bù.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản ý kiến sau:

Phần đất có diện tích 300m² tọa lạc tại vị trí một phần thửa số 148, 149, tờ bản đồ số 34 (tài liệu bản đồ địa chính năm 2004); một phần thửa 693, 718, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT), phường B, Quận X do bà Phạm Thị Thanh N sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa dự án chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng tại phường C và phường B theo Quyết định số 535/TTg-m ngày 15/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch đất Quốc phòng do Quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7.

Ngày 06/11/2012, Ủy ban nhân dân phường B có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 395/UBND-XN đối với bà Phạm Thị Thanh N, theo đó "Địa chỉ căn nhà (thửa đất) giải tỏa: một phần thửa số 148, 149, tờ bản đồ số 34 (tài liệu bản đồ địa chính năm 2004); một phần thửa 693, 718, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT), phường B, Quận X. Tổng diện tích giải tỏa: 300m². Diện tích xây dựng: 67m². Hiện trạng giải tỏa: Toàn bộ.

Kê khai theo Quyết định 3376 do ông Phạm Văn S kê khai, diện tích 300m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm.

Theo Tài liệu bản đồ địa chính đo đạc năm 2004 vị trí đất thuộc một phần thửa 148, tờ bản đồ số 34, diện tích 139,7m^2, loại đất: T; một phần thửa 149, tờ bản đồ số 34, diện tích 160,3m^2, loại đất: T.V. Tuy nhiên trên thực tế, phần diện tích 300m^2 không thuộc đất do Nhà nước trực tiếp quản lý và bà N vẫn đang quản lý sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay không lấn chiếm. Vị trí

đất giải tỏa, diện tích 300m^2 nằm ngoài ranh 05 hecta theo Giấy phép sử dụng số 63/GPCĐ78NN ngày 09/8/1978 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không có tranh chấp. Hiện trạng: Nhà ở (67m^2), sân xi măng, gạch (104,2m^2), đất trồng cây lâu năm (36,5m^2), đất trồng cây hàng năm (92,3m^2). Về xử lý vi phạm hành chính: Hiện tại không có xử phạt vi phạm hành chính"

Ngày 20/6/2014, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2719/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Phạm Thị Thanh N có căn nhà (thửa đất) số: một phần thửa số 148, 149, tờ bản đồ số 34 (tài liệu bản đồ địa chính năm 2004); một phần thửa 693, 718, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT), phường B, Quận X với tổng số tiền là 1.540.639.600 (một tỷ năm trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm đồng). Về tái định cư: Trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn phường, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B thì đủ điều kiện tái định cư. Ngày 26/11/2014, Hội đồng bồi thường dự án đã gửi toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với nhà, đất trên của bà N vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Phòng giao dịch Lương Định Của, Chi nhánh 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2719/QĐ- UBND ngày 20/6/2014 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Phạm Thị Thanh N là chủ sử dụng khu đất tại vị trí: một phần thửa số 148, 149, tờ bản đồ số 34 (tài liệu bản đồ địa chính năm 2004); một phần thửa 693, 718, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT), phường B, Quận X là đúng theo trình tự, thủ tục, chính sách và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận X đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên các Quyết định do Ủy ban nhân dân Quận X ban hành đối với nhà, đất nói trên của bà N.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X trình bày:

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3163/QĐ – UBND- TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X: Bà Phạm Thị Thanh N yêu cầu được bồi thường phần diện tích 200m^2 (đất sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 22/4/2002) theo đơn giá 11.000.000 đồng/m^2 và hỗ trợ phần đất nông nghiệp diện tích 100m^2 trong địa giới hành chính phường theo đơn giá 40% của 11.000.000 đồng/m^2 là không có cơ sở giải quyết bởi lẽ:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 30/01/2008 và trang bổ sung ngày 01/7/2011 thể hiện toàn bộ nhà, đất giải tỏa 300m^2 do bà Phạm Thị Thanh N quản lý, sử dụng có vị trí không phải mặt tiền đường đất kết nối đường số 5 mà thuộc vị trí hẻm đất kết nối đường số 5 được quy định tại Tiết a, Điểm 4.1, Khoản 4 và Điểm 12.2, Khoản 12, Mục I, Phần B Phương án 155/PA-HĐBT ngày 27/6/2011 của Hội

đồng bồi thường dự án chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng tại phường Cvà phường B, Quận X:

Đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Thanh N đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật khiếu nại năm 2011 và việc ban hành các Quyết định cưỡng chế đối với hộ bà N là phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của Ủy ban nhân dân Quận X. Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X không có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Phạm Huỳnh S làm đại diện ủy quyền trình bày:

Ủy ban nhân dân phường B vẫn giữ nguyên phiếu xác nhận pháp lý số 395/UBND-XN ngày 06/11/2012 của Ủy ban nhân dân phường B, yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sư đoàn Y – Quân chủng phòng không không quân ủy quyền ông Hoàng Ngọc C đại diện trình bày:

Việc áp giá, chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Phạm Thị Thanh N đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đã thực hiện đúng theo Phương án số 155/PA-HĐBT ngày 27/6/2011 của Hội đồng bồi thường dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng tại phường Cvà phường B Quận X đã được Ủy ban nhân dân Quận X phê duyệt. Việc bồi thường, thu hồi, giải tỏa đối với toàn bộ diện tích đất của bà N là đúng quy trình, quy định và đúng thủ tục, nguyên tắc. Do đó Sư đoàn Y đồng ý với quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải quyết khiếu nại và cưỡng chế thu hồi đối với toàn bộ đất của bà N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có ông Trần Quốc S trình bày quan điểm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên các quyết định nói trên vì toàn bộ nhà đất trên đã được bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X thực hiện công tác bồi thường, thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất Quốc phòng là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Quyết định số 535/QĐ – TTCP ngày 15/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1425/UBND – ĐT ngày 12/3/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời căn cứ vào bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên Môi trường lập ngày 25/10/2011 thì toàn bộ phần nhà đất của bà N nằm trong ranh quy hoạch thuộc dự án thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển

mục đích sử dụng đất Quốc phòng do Sư đoàn Y – Quân chủng phòng không không quân là chủ đầu tư.

Quy trình giải quyết khiếu nại của bà N đúng theo quy định của luật Khiếu nại.

Từ những cơ sở nói trên, Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X vẫn giữ nguyên các Quyết định đã ban hành đối với hồ sơ nhà bà Phạm Thị Thanh N. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thời hiệu khởi kiện của bà N đối với Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X, tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của người khởi kiện bà Phạm Thị Thanh N về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 3163/QĐ – UBND ngày 15/7/2015; Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 và quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Phạm Thị Thanh N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, bà Phạm Thị Thanh N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai tạm nộp án phí số 04156 do Chi cục thi hành án dân sự lập ngày 02/02/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 15/9/2017, bà Phạm Thị Thanh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Kim D trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N, hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận X: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X do ông Trần Quốc S trình bày: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường B, Quận X là ông Phạm Huỳnh S trình bày: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Sư đoàn Y - Quân chủng phòng không không quân là ông Hoàng Ngọc C trình bày: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X; do cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N đối với Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X là không đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về việc xét xử vắng mặt đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận X, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân Quận X (những người này có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa). Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N:

Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/6/2014, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 2719/QĐ – UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà N.

Ngày 20/8/2014, bà N nhận được Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X. Không đồng ý với quyết định trên nên bà N tiếp tục khiếu nại.

Ngày 15/7/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr về việc giải quyết khiếu nại của bà N: có nội dung: *"Giữ nguyên Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X."* (Tuy nhiên đến ngày 29/02/2016 bà N mới nhận được quyết định này)

Ngày 16/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 4693/QĐ – UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 20/11/2015, bà N nhận được Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 25/01/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 245/QĐ – UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 của Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X. Ngày 25/02/2016, bà N nhận được Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016.

Sau khi nhận các quyết định cưỡng chế trên ngày 26/01/2016, bà N nộp Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận X (đơn khởi kiện lập ngày 24/01/2016) yêu cầu hủy Quyết định số 4693/QĐ – UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vào ngày 07/3/2016 bà N nộp Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X (Vì ngày 29/02/2016, bà N mới nhận được Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X).

Ngày 13/4/2016, bà N nộp Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 24/02/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 395/QĐ – UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 09/3/2017, bà N nhận được Quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Căn cứ vào thời gian ban hành các quyết định và thời gian bà N nhận được các quyết định trên thì các yêu cầu khởi kiện của bà N còn trong thời hiệu khởi kiện vì:

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính; Điều 3 Nghị quyết số

56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

Căn cứ các quy định trên thì yêu cầu khởi kiện của bà N về hủy các quyết định: Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 3163/QĐ – UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các Quyết định số 3163/QĐ – UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X còn thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

Riêng việc đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X của bà N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không phù hợp bởi lẽ:

Theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính thì:

"1. Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, danh sách cử tri bị khởi kiện, quyết định giải quyết khiếu nại và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:

...b) Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc quyết định hành chính trái pháp luật và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan (nếu có)".

Như vậy, trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện.

Xét Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết khiếu nại của bà N có nội dung: *"Giữ nguyên Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X."* Quyết định này là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (quyết định này còn thời hiệu khởi kiện).

Nên khi xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X cần phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X, như vậy mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Do Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc giải quyết khiếu nại của bà N đối với Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X còn thời hiệu khởi kiện; nên đã khôi phục thời hiệu khởi kiện của Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà N.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do hết thời hiệu khởi kiện nhưng vẫn xét Quyết định số 3163/QĐ – UBND – TTr ngày 15/7/2015 là vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Do các quyết định hành chính bị kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên cần thiết phải xem xét lại tính hợp pháp của các Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 3163/QĐ – UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X để xem xét toàn diện nội dung vụ án, đảm bảo hai cấp xét xử và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về yêu cầu hủy Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X của bà N Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Căn cứ Quyết định số 535/TTg-m Ngày 15/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7;

Căn cứ Quyết định số 1425/UBND-ĐT ngày 12/3/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng tại phường Cvà phường B, Quận X;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 4776/QĐ-UBND-TNMT ngày 27/6/2008 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đất của Sư đoàn Y – Quân chủng Phòng không không quân tại phường B – C, Quận X;

Căn cứ Quyết định số 11341/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/12/2008 và Quyết định số 13352/QĐ-UBND-TNMT ngày 10/12/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng khu đất của Sư đoàn Y - Quân chủng phòng không không quân làm chủ đầu tư tại phường B – Cát lái Quận X;

Phương án số 155/PA-HĐBT ngày 27/6/2011 của Hội đồng bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng tại phường Cvà phường B, Quận X do Sư đoàn phòng không 367 làm chủ đầu tư;

Các văn bản trên chính là căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân Quận X ban hành các quyết định hành chính về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với căn nhà (thửa đất) giải tỏa số: một phần thửa 693, 718 tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT) – thuộc một phần thửa số 148, 149 tờ bản đồ số 34 (bản đồ địa chính năm 2004), phường B, cũng như các quyết định thu hồi đất (Quyết định số 11341/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/12/2008 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc thu hồi đất đã được giao cho bà N vào ngày 27/03/2012 và sau đó là Quyết định 13352/QĐ-UBND-TNMT ngày 10/12/2012 của Ủy ban nhân dân Quận X về điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 11341/QĐ-UBND-TNMT ngày 23/12/2008, quyết định này cũng được giao cho bà N vào ngày 20/08/2014 tuy nhiên bà N không có ý kiến gì cũng như khiếu nại các quyết định thu hồi trên).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 38, Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 thì việc Ủy ban nhân dân Quận X ban hành các quyết định thu hồi đất là có căn cứ và đúng thẩm quyền nên gia đình bà N phải chấp hành quyết định thu hồi đất.

Do bà N không chấp hành bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án nên căn cứ Điều 71 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 về cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Ngày 25/01/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 245/QĐ – UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 của Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 24/02/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 395/QĐ – UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X

" – Từ "Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 20/11/2015 đến ngày 31/12/2015" thành "Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất từ ngày 01/3/2017 đến ngày 30/6/2017"

– Các nội dung khác của Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X vẫn giữ nguyên.

– Quyết định này thay thế Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 1872/QĐ – UBND ngày 02/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X."

Xét các quyết định Quyết định số 395/QĐ – UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 395/QĐ – UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo luật định.

Nên cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà N về việc hủy các Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 và Quyết định số 395/QĐ – UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là có căn cứ và phù hợp nên cần giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N. Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X.

[3]. Về án phí hành chính:

Về án phí hành chính sơ thẩm: Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên bà Phạm Thị Thanh N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 220; Điều 225; khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 37 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh N.

Giữ nguyên một phần bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X về việc bác yêu cầu của người khởi kiện bà Phạm Thị Thanh N về việc hủy Quyết định số 4693/QĐ – UBND ngày 16/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 245/QĐ – UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 395/QĐ –

UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X và bác yêu cầu của người khởi kiện bà Phạm Thị Thanh N về hủy Quyết định số 3163/QĐ – UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án trên cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự sơ thẩm để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh N đối với Quyết định số 2719/QĐ – UBND ngày 20/6/2014 Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 3163/QĐ – UBND ngày 15/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008379 ngày 15/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phượng **Lê Hồng Phượng** **Lê Thu Thủy**